

ĐA DẠNG CÁC LOÀI BÒ SÁT (REPTILIA) VÀ ẾCH NHÁI (AMPHIBIA) TẠI KHU DỰ TRỮ THIÊN NHIÊN ĐỘNG CHÂU – KHE NƯỚC TRONG TỈNH QUẢNG BÌNH

Hà Văn Ngoạn¹, Hà Văn Nghĩa², Lò Văn Oanh³, Vũ Văn Thái⁴, Lê Công Tinh², Lưu Quang Vinh^{1*}

¹Trường Đại học Lâm nghiệp

²Trung tâm bảo tồn thiên nhiên Việt

³Trung tâm bảo tồn thiên nhiên và phát triển

⁴Công ty TNHH Tư vấn và phát triển Đồng Xanh

TÓM TẮT

Nghiên cứu về đa dạng thành phần các loài bò sát, ếch nhái ở Khu dự trữ thiên nhiên Động Châu - Khe Nước Trong, tỉnh Quảng Bình được thực hiện theo 04 đợt điều tra từ tháng 7/2018 đến 8/2020. Kết quả nghiên cứu đã xác định được 49 loài bò sát thuộc 32 giống, 15 họ, 2 bộ; 34 loài Ếch nhái thuộc 19 giống, 6 họ, 1 bộ. Trong đó, bổ sung 16 loài ghi nhận mới vào danh lục bò sát, ếch nhái: Thằn lằn rắn hác *Dopasia harti* (Boulenger), Rắn leo cây thường *Dendrelaphis pictus* (Gmelin), Rắn rào quang tây *Boiga guangxiensis* (Wen), Rắn sọc dưa *Coelognathus radiatus* (Boie), Rắn lệch đầu fut sing *Lycodon futsingensis* (Pope), Rắn khuyết lảo *Lycodon laoensis* (Günther), Rắn khiếm trung quốc *Oligodon chinensis* (Günther), Rắn hoa cỏ vàng *Rhabdophis chrysargos* (Schlegel), Rắn bông chì *Hypsiglossus plumbeus* (Boie), Rắn hổ xiên tre *Pseudoxenodon bambusicola* (Vogt), Rùa đất sepon *Cyclemys oldhamii* (Gray), Cóc núi miệng nhỏ *Megophrys microstoma* (Boulenger), Châu chấu *Sylvirana guentheri* (Boulenger), Chàng mấu sơn *Sylvirana maosonensis* (Bourret), Ếch cây lớn *Rhacophorus smaragdinus* (Blyth), Ếch cây sần bắc bộ *Theloderma corticale* (Boulenger) cho Khu dự trữ thiên nhiên Động Châu - Khe Nước Trong. Kết quả đã nâng tổng số loài bò sát, ếch nhái tại khu vực nghiên cứu lên 83 loài. Trong 83 loài ghi nhận được: có 08 loài có tên trong Sách Đỏ Việt Nam (2007), có 07 loài có tên trong Danh lục Đỏ IUCN (2020), 07 loài có tên trong Nghị định 06/2019/NĐ-CP và 3 loài đặc hữu của Việt Nam.

Từ khóa: bò sát, đa dạng loài, Động Châu - Khe Nước Trong, ếch nhái, ghi nhận mới.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Khu Dự trữ thiên nhiên (KDTTN) Động Châu - Khe Nước Trong mới được thành lập theo Quyết định số 2156/QĐ-UNND ngày 25 tháng 06 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình. KDTTN nằm ở phía Tây - Nam tỉnh Quảng Bình thuộc địa giới hành chính xã Kim Thủy, huyện Lệ Thủy, với tổng diện tích là 22.595,94 ha. KDTTN Động Châu - Khe Nước Trong nằm trong vùng núi thấp với địa hình có độ dốc tương đối. Độ cao trung bình trong khu vực khoảng 500 - 600 m so với mực nước biển. Điểm thấp nhất là 120 m nằm tại khu vực Khe Bang, đỉnh cao nhất là đỉnh 1.220 m giữa ranh giới 2 tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị và Lào. Còn lại là hầu hết các đỉnh núi cao dưới 1.000 m so với mực nước biển, nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa với nhiệt độ trung bình là 24,5°C và lượng mưa hàng năm rất lớn lên tới 2.079 mm (VietNature, 2018). Hệ thực vật có 1.030 loài, thuộc 599 chi và 144 họ, đặc biệt có một số loài đặc hữu hẹp chỉ thấy ở các tỉnh thuộc khu vực Trung Trung Bộ và cũng là các loài mới

phát hiện cho khoa học năm 2007, đó là Mây mật (*Calamus centralis*), Lá nón trung (*Licuala centralis*) và Lá nón xanh lục (*Licuala astroviridis*); hệ động vật có 358 loài, thuộc 297 giống, 91 họ. Trong đó, có nhiều loài đang bị đe dọa toàn cầu như Sao la (*Pseudoryx nghetinhensis*), Gà lôi lam mào trắng (*Lophura edwardsi*), Trĩ sao (*Rheinardia ocellata*), Vượn siki (*Nomascus siki*), Chà vá chân nâu (*Pygathrix nemaeus*) (VietNature, 2018).

Nghiên cứu về thành phần các loài bò sát, ếch nhái tại KDTTN Động Châu - Khe Nước Trong còn rất hạn chế. Cho đến nay mới có duy nhất một nghiên cứu của Phạm Thế Cường và cộng sự (2019) với 67 loài, 18 họ, 3 bộ được ghi nhận cho khu vực Động Châu - Khe Nước Trong (Rừng phòng hộ Động Châu). KDTTN Động Châu - Khe Nước Trong mới được thành lập chưa có đầy đủ thông tin về khu hệ động thực vật, do vậy kết quả nghiên cứu này sẽ góp phần bổ sung, cập nhật cơ sở dữ liệu khoa học về thành phần các loài bò sát, ếch nhái để hướng tới mục tiêu quản lý, bảo tồn, giám sát các loài động thực vật cũng như quản lý rừng bền vững

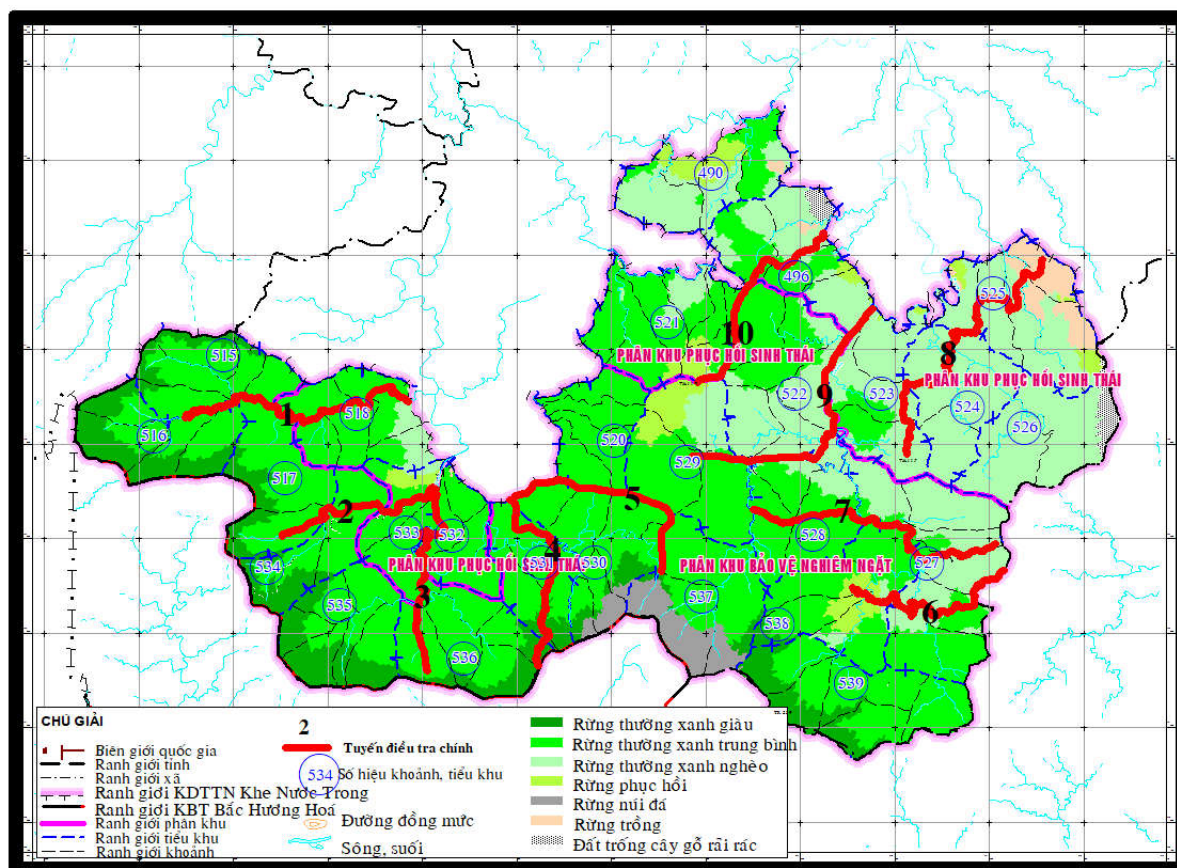
*Corresponding author: vinhlq@vnuf.edu.vn

KDFTN mới thành lập của khu vực rừng đất thấp miền Trung.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Khảo sát thực địa được tiến hành 04 đợt gồm đợt 1 vào tháng 07/2018; đợt 2 vào 3/2019; đợt 3 vào 4/2019 và đợt 4 vào tháng 8/2020. Có 10

tuyến khảo sát chính được thiết lập tại 17 tiểu khu bao gồm: tiểu khu 496, 516, 517, 521, 522, 523, 54, 525, 527, 528, 529, 530, 531, 532, 533, 534, 538 của KDFTN Đông Châu – Khe Nước Trong, các tuyến khảo sát được trình bày ở hình 1.



Hình 1. Các tuyến khảo sát tại KDFTN Đông Châu - Khe Nước Trong

Mẫu vật được thu trực tiếp bằng tay, gậy hay kẹp bắt rắn. Thời gian điều tra từ 19h đến 24h và từ 10h đến 14h hàng ngày. Các mẫu được đựng trong các túi vải đối với bò sát hoặc trong túi nilon với các loài ếch nhái.

Mẫu vật sau khi thu được sẽ tiến hành chụp ảnh, gậy mê, gắn nhãn hiệu và ngâm định hình trong cồn 90% trong vòng 24h, sau đó chuyển sang ngâm bảo quản trong cồn 70% (Simmons, 2002). Mẫu vật hiện đang được lưu giữ và bảo quản tại Khoa Quản lý Tài nguyên rừng và Môi trường, Trường Đại học Lâm nghiệp (VNUF).

Các chỉ số hình thái sử dụng theo Nguyen *et al.* (2012) cho các loài ếch nhái, theo Nguyen *et al.* (2010) cho các loài thằn lằn và theo David *et al.* (2012) cho các loài rắn.

Định loại và tên khoa học các loài bò sát, ếch nhái tham khảo các tài liệu: Smith (1935), Smith (1943), Ziegler *et al.* (2007), Nguyễn Văn Sáng (2007), Nguyen *et al.* (2009), Nguyen *et al.* (2010), Hecht *et al.* (2013), Luu *et al.* (2013), Luu *et al.* (2015), Pham *et al.* (2017), Forst (2020), Uetz *et al.* (2020) và các bài báo liên quan.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.2. Thành phần loài bò sát, ếch nhái

Dựa trên kết quả quan sát trực tiếp và phân tích 204 mẫu vật bò sát, ếch nhái thu được và quan sát 3 mẫu rùa tại thực địa, đã ghi nhận 83 loài bò sát, ếch nhái thuộc 21 họ và 03 bộ ở KDFTN Đông Châu – Khe Nước Trong (bảng 1).

Bảng 1. Danh lục bò sát, ếch nhái Khu dự trữ thiên nhiên Động Châu – Khe Nước Trong

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Nguồn tài liệu	
			Phạm Thế Cường và cộng sự (2019)	Nghiên cứu này
	REPTILE	LỚP BÒ SÁT		
	SQUAMATA	BỘ CÓ VÂY		
I	Agamidae	Họ Nhông		
1	<i>Acanthosaura lepidogaster</i> (Cuvier, 1829)	Ô rô vẩy	x	x
2	<i>Calotes versicolor</i> (Daudin, 1802)	Nhông xám	x	x
3	<i>C.emma</i> Gray, 1845	Nhông em-ma	x	x
4	<i>Physignathus cocincinus</i> Cuvier, 1829	Rồng đất	x	x
II	Gekkonidae	Họ Tắc kè		
5	<i>Cyrtodactylus</i> cf. <i>pseudoquadrivirgatus</i> Rösler, Nguyen, Vu, Ngo & Ziegler, 2008	Thạch sùng ngón giả bốn vạch	x	x
6	<i>Gekko reevesii</i> (Linnaeus, 1758)	Tắc kè	x	x
7	<i>Hemidactylus frenatus</i> Schlegel, 1836	Thạch sùng đuôi sần	x	x
III	Lacertidae	Họ Thằn lằn chính thức		
8	<i>Takydromus hani</i> Chou, Nguyen & Pauwels, 2001	Liu điu xanh	x	
IV	Scincidae	Họ Thằn lằn bóng		
9	<i>Eutropis longicaudatus</i> (Hallowell, 1857)	Thằn lằn bóng đuôi dài	x	x
10	<i>Plestiodon quadrilineatus</i> Blyth, 1853	Thằn lằn tốt mã bốn vạch	x	x
11	<i>Scincella rufocaudata</i> (Darevsky & Nguyen, 1983)	Thằn lằn cổ đuôi đỏ	x	x
12	<i>S. melanosticta</i> (Boulenger, 1887)	Thằn lằn cổ	x	x
13	<i>Sphenomorphus indicus</i> (Gray, 1853)	Thằn lằn phê-nô án độ	x	x
14	<i>S. maculatus</i> (Blyth, 1853)	Thằn lằn phê-nô đốm	x	x
15	<i>Tropidophorus cocincinensis</i> Dumeril & Bibron, 1839	Thằn lằn tai nam bộ	x	x
V	Anguidae	Họ Thằn lằn rắn		
16	<i>Dopasia harti</i> (Boulenger, 1899)*	Thằn lằn rắn hác		x
VI	Pythonidae	Họ Trăn		
17	<i>Python molurus</i> (Linnaeus, 1758)	Trăn đất	x	
18	<i>P. reticulatus</i> (Schneider, 1801)	Trăn gấm	x	
VII	Colubridae	Họ Rắn nước		
19	<i>Ahaetula prasina</i> (Boie, 1827)	Rắn roi thường	x	x
20	<i>Dendrelaphis pictus</i> (Gmelin, 1789)*	Rắn leo cây thường		x
21	<i>Boiga guangxiensis</i> Wen, 1998*	Rắn rào quảng tây		x
22	<i>B. kraepelini</i> Stejneger, 1902	Rắn rào k-ra-pe-lin	x	
23	<i>Coelognathus radiatus</i> (Boie, 1827)*	Rắn sọc dưa		x
24	<i>Chrysopelea ornata</i> (Shaw, 1802)	Rắn cườm	x	
25	<i>Cyclophiops multicinctus</i> (Roux, 1907)	Rắn nhiều đai	x	x
26	<i>Lycodon futsingensis</i> (Pope, 1928)*	Rắn khuyết fut sing		x
27	<i>L. ruhstrati abditus</i> (Vogel, David, Pauwels, Sumontha, Norval, Hendrix, Vu & Ziegler, 2009)	Rắn khuyết ân	x	x
28	<i>Lycodon laoensis</i> (Günther, 1864)**	Rắn khuyết Lào		x
29	<i>L.cf. rosozonatum</i> (Hu & Zhao, 1972)	Rắn lệch đầu hồng	x	x
30	<i>Oligodon chinensis</i> (Günther, 1888)*	Rắn khiếm trung quốc		x
31	<i>Oreocryptophis porphyraceus</i> (Cantor, 1839)	Rắn sọc đốm đỏ	x	
32	<i>Rhynchophis boulengeri</i> Mocquard, 1897	Rắn vôi	x	
VIII	Natricidae	Họ Rắn nước chính thức		
33	<i>Parahelicops annamensis</i> Bourret, 1934	Rắn bình mũi trung bộ	x	
34	<i>Rhabdophis subminiatus</i> (Schlegel, 1837)	Rắn sãi cổ đỏ	x	
35	<i>R. chrysargos</i> (Schlegel, 1837)*	Rắn hoa cỏ vàng		x
36	<i>Trimerodytes percarinata</i> (Boulenger, 1899)	Rắn hoa cần vắn đen	x	
IX	Pareatidae	Họ Rắn hổ mây		
37	<i>Pareas hamptoni</i> (Boulenger, 1905)	Rắn hổ mây ham-ton	x	

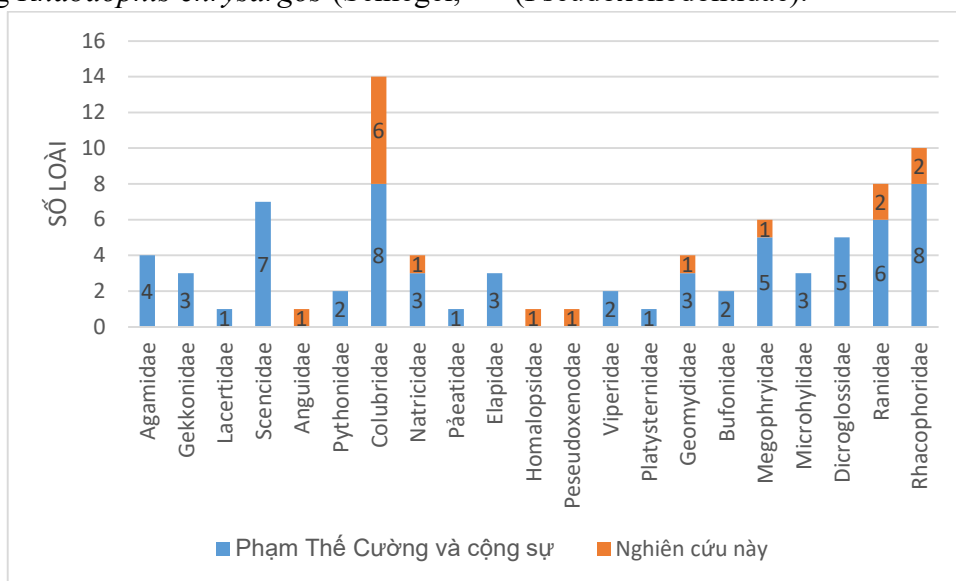
TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Nguồn tài liệu	
			Phạm Thế Cường và cộng sự (2019)	Nghiên cứu này
X	Elapidae	Họ Rắn hổ		
38	<i>Bungarus fasciatus</i> (Schneider, 1801)	Rắn cạp nong	x	
39	<i>B. multifasciatus</i> Blyth, 1861	Rắn cạp nia bắc	x	x
40	<i>Naja cf. atra</i> Cantor, 1842	Rắn hổ mang trung quốc	x	
XI	Homalopsidae	Họ Rắn bông		
41	<i>Hypsiscopus plumbea</i> (Boie, 1827)*	Rắn bông chì		x
XII	Pseudoxenodontidae	Họ Rắn hổ xiên		
42	<i>Pseudoxenodon bambusicola</i> Vogt, 1922*	Rắn hổ xiên tre		x
XIII	Viperidae	Họ Rắn lục		
43	<i>Protobothrops muscrosquamatus</i> (Cantor, 1839)	Rắn lục cườm	x	x
44	<i>Trimeresurus stejnegeri</i> Schmidt, 1925	Rắn lục xanh	x	x
	Testudines	Bộ Rùa		
XIV	Platysternidae	Họ Rùa đầu to		
45	<i>Platysternon megacephalum</i> Gray, 1831	Rùa đầu to	x	x
XV	Geoemydidae	Họ Rùa đằm		
46	<i>Cuora bourreti</i> OBST & REIMANN, 1994	Rùa hộp bua-rê	x	
47	<i>C. mouhotii</i> (Gray, 1862)	Rùa sa nhân	x	
48	<i>Cyclemys oldhamii</i> Gray, 1863*	Rùa đất sepon		x
49	<i>Sacalia quadriocellata</i> (Siebenrock, 1903)	Rùa bốn mắt	x	x
	ANURA	BỘ KHÔNG ĐUÔI		
XVI	Bufonidae	Họ Cóc		
50	<i>Duttaphrynus melanostictus</i> (Schneider, 1799)	Cóc nhà	x	x
51	<i>Ingerophrynus macrotis</i> (Boulenger, 1887)	Cóc tai to	x	
XVII	Megophryidae	Họ Cóc bùn		
52	<i>Brachytarsophrys intermedia</i> (Smith, 1921)	Cóc mắt trung gian	x	x
53	<i>Leptobrachium cf. chapaense</i> (Bourret, 1937)	Cóc mây sa pa	x	x
54	<i>Leptolalax aereus</i> (Rowley, Stuart, Richards, Phimmachak & Sivongxay, 2010)	Cóc núi nâu	x	
55	<i>Megophrys maosonensis</i> Bourret, 1937	Cóc mắt bên	x	x
56	<i>M. microstoma</i> (Boulenger, 1903)*	Cóc núi miệng nhỏ		x
57	<i>M. gerti</i> (Ohler, 2003)	Cóc núi gót	x	
XVIII	Microhylidae	Họ Nhái bầu		
58	<i>Microhyla heymonsi</i> (Vogt, 1911)	Nhái bầu hây môn	x	x
59	<i>M. marmorata</i> (Bain & Nguyen, 2004)	Nhái bầu hoa cương	x	
60	<i>M. pulchra</i> (Hallowell, 1861)	Nhái bầu vân	x	x
XIX	Dicroglossidae	HọẾch nhái chính thức		
61	<i>Fejervarya limnocharis</i> (Gravenhorst, 1829)	Ngoé	x	x
62	<i>Limnonectes kiziriani</i> , Pham, Cuong The, Le, Minh Duc, Ngo, Hanh Thi, Ziegler, Thomas & Nguyen, Truong Quang, 2018	Ếch nhèo	x	x
63	<i>L. limborgi</i> (Sclater, 1892)	Ếch lim-boc	x	x
64	<i>L. poilani</i> (Bourret, 1942)	Ếch poa-lan	x	x
65	<i>Quasipaa verrucospinosa</i> (Bourret, 1937)	Ếch gai sần	x	x
XX	Ranidae	HọẾch nhái		
66	<i>Amolops cremnobatus</i> Inger et Kottelat, 1998	Ếch bám đá	x	
67	<i>Hylarana attigua</i> (Inger, Orlov & Darevsky, 1999)	Ếch đồng dạng	x	
68	<i>H. nigrovittata</i> (Blyth, 1856)	Ếch suối	x	x
69	<i>Sylvirana guentheri</i> (Boulenger, 1882)*	Chẫu chuộc		x
70	<i>S. maosonensis</i> (Bourret, 1937)*	Chàng mẫu sơn		x
71	<i>Odorrana chloronota</i> (Günther, 1875)	Ếch xanh	x	

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Nguồn tài liệu	
			Phạm Thế Cường và cộng sự (2019)	Nghiên cứu này
72	<i>O. morafkai</i> (Bain, Lathrop, Murphy, Orlov & Ho, 2003)	Ếch mô-ráp-ka	x	
73	<i>Rana johnsi</i> Smith, 1921	Hiu hiu	x	x
XXI	Rhacophoridae	Họ Ếch cây		
74	<i>Kurixalus banaensis</i> (Bourret, 1939)	Nhái cây bà nà	x	
75	<i>K. bissaculus</i> (Taylor, 1962)	Nhái cây sần nhỏ	x	x
76	<i>Polypedates megacephalus</i> Hallowell, 1861	Ếch cây đầu to	x	x
77	<i>Rhacophorus annamensis</i> Smith, 1924	Ếch cây trung bộ	x	x
78	<i>R. exechopygus</i> Inger, Orlov & Darevsky, 1999	Ếch cây nếp da mông	x	
79	<i>Zhangixalus dennysi</i> (Blanford, 1881)*	Ếch cây lớn		x
80	<i>R. orlovi</i> (Ziegler & Kohler, 2001)	Ếch cây oóc-lốp	x	x
81	<i>Theloderma asperum</i> (Boulenger, 1886)	Ếch cây sần a-x-pơ	x	
82	<i>T. corticale</i> (Boulenger, 1903)*	Ếch cây sần bắc bộ	x	x
83	<i>Philautus truongsongensis</i> Orlov & Ho, 2005	Nhái cây trường sơn		x

Ghi chú: * Ghi nhận mới cho KDTN. ** Ghi nhận mới cho tỉnh Quảng Bình

So với các tài liệu của Luu *et al.* (2013), Phạm Thế Cường và cộng sự (2019), kết quả trên đã bổ sung 01 loài cho khu hệ bò sát, ếch nhái của tỉnh Quảng Bình là Rắn khuyết lảo *Lycodon laoensis* (Günther, 1864) và 15 loài cho KDTN Động Châu - Khe Nước Trong gồm Thần lằn rắn hác *Dopasia harti* (Boulenger, 1899), Rắn leo cây thường *Dendrelaphis pictus* (Gmelin, 1789), Rắn rào quang tây *Boiga guangxiensis* (Wen, 1998), Rắn sọc dưa *Coelognathus radiatus* (Boie, 1827), Rắn lệch đầu fut sing *Lycodon futsingensis* (Pope, 1928), Rắn khiếm trung quốc *Oligodon chinensis* (Günther, 1888), Rắn hoa cỏ vàng *Rhabdophis chrysargos* (Schlegel,

1837), Rắn bông chì *Hypsiglossus plumbea* (Boie, 1827), Rắn hổ xiên tre *Pseudoxenodon bambusicola* (Vogt, 1922), Rùa đất sepon *Cyclemys oldhamii* (Gray, 1863), Cóc núi miệng nhỏ *Megophrys microstoma* (Boulenger, 1903), Châu chuộc *Sylvirana guentheri* (Boulenger, 1882), Chàng mẫu sơn *Sylvirana maosonensis* (Bourret, 1937), Ếch cây lớn *Zhangixalus smaragdinus* (Blyth, 1852), Ếch cây sần bắc bộ *Theloderma corticale* (Boulenger, 1903). Đặc biệt, có 03 họ được ghi nhận mới cho KDTN Động Châu – Khe Nước Trong gồm họ Thần lằn Rắn (Anguidae), họ Rắn bông (Homalopsidae) và họ Rắn hổ xiên (Pseudoxenodontidae).



Hình 2. Số loài bò sát, ếch nhái bổ sung theo các họ



Hình 3. Các loài bò sát, ếch nhái ghi nhận mới tại Khu dự trữ thiên nhiên Động Châu – Khe Nước Trong

1) Thần lằn rắn hác *Dopasia harti*; 2) Rắn leo cây thường *Dendrelaphis pictus*; 3) Rắn rào quảng tây *Boiga guangxiensis*; 4) Rắn lếch đầu fut sing *Lycodon futsingensis*; 5) Rắn hoa cỏ vàng *Rhabdophis chrysargos*; 6) Rắn sọc dưa *Coelognathus radiatus*; 7) Rắn khiếm trung quốc *Oligodon chinensis*; 8) Rắn khuyết lao *Lycodon laoensis*; 9) Rắn hổ xiên tre *Pseudoxenodon bambusicola*; 10) Rắn bông chì *Hypsiscopus plumbea*; 11) Rùa đất sê pôn *Cyclemys oldhamii*; 12) Ếch cây lớn *Zhangixalus smaragdinus*; 13) Ếch cây sần bắc bộ *Theloderma corticale*. 14) Chẫu chuộc *Sylvirana guentheri*; 15) Chàng mẫu sơn *Sylvirana maosonensis*; 16) Cóc núi miệng nhỏ *Megophrys microstoma*;

3.2. Tình trạng bảo tồn của các loài bò sát, ếch nhái tại KDTTN Động Châu - Khe Nước Trong

Trong số 83 loài bò sát, ếch nhái ghi nhận ở KDTTN Động Châu - KNT có 14 loài quý hiếm và đặc hữu (chiếm 16,86% tổng số loài ghi nhận được): có 8 loài trong Sách Đỏ Việt Nam (chiếm 57,14% số loài quý hiếm, đặc hữu ghi nhận được), trong đó có 2 loài bậc CR (cấp Rất nguy cấp), 3 loài bậc EN (cấp Nguy cấp), 3 loài bậc VU (cấp Sẽ nguy cấp); có 7 loài trong IUCN 2020 (chiếm 50,00% số loài quý hiếm, đặc hữu

ghi nhận được) trong đó có 1 loài bậc CR (Rất nguy cấp), 3 loài bậc EN (Nguy cấp), 3 loài bậc VU (Sẽ nguy cấp); có 7 loài nằm trong Nghị định 06/2019/NĐ-CP (chiếm 50,00% số loài quý hiếm, đặc hữu ghi nhận được) trong đó nhóm IB (nhóm nghiêm cấm khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại) 1 loài, nhóm IIB (nhóm hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại) là 6 loài và có 3 loài đặc hữu Việt Nam (chiếm 21,42% số loài quý hiếm, đặc hữu ghi nhận được).

Bảng 3. Tình trạng bảo tồn của các loài bò sát ếch nhái tại KDTTN Động Châu - Khe Nước Trong

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Tình trạng bảo tồn			
			SĐVN 2007	IUCN 2020	NĐ 06/2019	Đặc hữu
1	Rồng đất	<i>Physignathus cocincinus</i>	VU	VU		
2	Tắc kè	<i>Gekko gecko (Gekko reevesii)</i>	VU			
3	Liu điu xanh	<i>Takydromus hani</i>				VN
4	Trăn đất	<i>Python molurus</i>	CR	VU	IIB	
5	Trăn gấm	<i>Python reticulatus</i>	CR		IIB	
6	Rắn sọc đốm đỏ	<i>Oreocryptophis porphyraceus</i>	VU			
7	Rắn cạp nong	<i>Bungarus fasciatus</i>	EN			
8	Rắn hổ mang trung quốc	<i>Naja atra</i>		VU	IIB	
9	Rùa đầu to	<i>Platysternon megacephalum</i>	EN	EN	IB	
10	Rùa hộp bua-rê	<i>Cuora bourreti (C. galbinifrons)</i>	EN	CR	IIB	
11	Rùa sa nhân	<i>Cuora mouhotii</i>		EN	IIB	
12	Rùa bốn mắt	<i>Sacalia quadriocellata</i>		EN	IIB	
13	Nhái cây bà nà	<i>Kurixalus banaensis</i>				VN
14	Nhái cây trường sơn	<i>Philautus truongsoneis</i>				VN
Tổng			8	7	7	3

4. KẾT LUẬN

Kết quả ghi nhận có 83 loài thuộc 21 họ, 03 bộ bò sát, ếch nhái tại KDTTN Động Châu - Khe Nước Trong, trong đó có 01 loài lần đầu tiên ghi nhận tại tỉnh Quảng Bình. So với Phạm Thế Cường và cộng sự (2019) đã bổ sung thêm 3 họ mới Họ Thằn lằn rắn (Anguillidae), Họ Rắn bông (Homalopsidae) và họ Rắn hổ xiên (Pseudoxenodontidae) cho Khu dự trữ thiên nhiên Động Châu - Khe Nước Trong; ghi nhận bổ sung 15 loài bò sát, ếch nhái, nâng tổng số loài bò sát, ếch nhái tại KDTTN Động Châu - Khe Nước Trong lên 83 loài.

Trong 83 loài ghi nhận có 14 loài quý hiếm và đặc hữu: trong đó có 8 loài trong Sách Đỏ Việt Nam, 7 loài trong IUCN 2020, có 7 loài nằm trong Nghị định 06/2019/NĐ-CP và có 3 loài đặc hữu Việt Nam.

Lời cảm ơn:

Chúng tôi xin cảm ơn Trung tâm Bảo tồn thiên nhiên Việt (Vietnature) đã tạo điều kiện giúp đỡ trong quá trình thu thập số liệu nghiên cứu và hỗ trợ kinh phí, cảm ơn Quỹ Môi trường Thiên nhiên Nagao (Nagao Natural Environmental Foundation – NEF) đã hỗ trợ kinh phí cho chương trình nghiên cứu này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Khoa học và Công nghệ, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, 2007: Sách Đỏ Việt Nam, Phần I - Động vật, NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội.

2. David, P., Nguyen, T.Q., Nguyen, T.T., Jiang, K., Chen, T., Teynié, A. & Ziegler, T., 2012: A new species of the genus *Oligodon* Fitzinger, 1826 (Squamata: Colubridae) from Northern Vietnam, Southern China and central Laos. *Zootaxa*, 3498, 45–62.

3. Forst, D. R. 2020: Amphibian Species of the World (<http://research.amnh.org/vz/herpetology/amphibia>).

4. Hecht, V. L., Pham, T. C., Nguyen, T. T., Nguyen, T. Q., Bonkowski, M. & Ziegler, T., 2013: First report on the herpetofauna of Tay Yen Tu Nature Reserve, northeastern Vietnam. *Biodiversity Journal*, 4 (4): 507-552.

5. IUCN 2020: The IUCN Red List of Threatened Species (<http://www.iucnredlist.org/>).

6. Nguyễn Huy Quang, 2018, Đa dạng các loài bò sát (Reptilia) và ếch nhái (Amphibia) tại Vườn Quốc Gia Cúc Phương). Luận văn thạc sỹ, Trường ĐH Lâm nghiệp.

7. Luu, V. Q., Nguyen, T. Q., Pham, C. T., Dang, K. N., Vu, T. N., Miskovic, K., Bonkowski, M., Ziegler, T., 2013: No end in sight? Further new records of amphibians and reptiles from Phong Nha-Ke Bang National Park, Quang Binh province, Vietnam, *Biodiversity Journal*, 4 (2): 285-300.

8. Luu, V. Q., Nguyen, T. Q., Tanja L., Michael B. & Ziegler T., 2015: New records of the Horned Pitviper, *Protobothrops cornutus* (Smith, 1930) (Serpentes: Viperidae), from Vietnam with comments on morphological variation. *Herpetology Notes*, 8: 149-152.

9. Nguyen, S. V., Ho, C. T., & Nguyen, T. Q., 2009: Herpetofauna of Vietnam, Edition Chimaira, Frankfurt am Main, 768 pp.

10. Nguyen Thanh Luan, Hoang Van Ha, Nguyen Tai Thang, McCormack Timothy E.M., Nguyen Ngoc Sang, 2016: A Collection of Amphibians and Reptilia from Bac Huong Hoa Nature reserve, Quang Trị Province,

Vietnam. (Hội thảo khoa học quốc gia về lưỡng cư và bò sát lần thứ 3). Nxb Khoa học tự nhiên và Công nghệ.

11. Nguyen, T.Q., Le, M.D., Pham, C.T., Nguyen, T.T., Bonkowski, M. & Ziegler, T. (online: 2012/printed 2013): A new species of *Gracixalus* (Amphibia, Anura, Rhacophoridae) from Northern Vietnam. *Organisms Diversity & Evolution* 13: 203-214.

12. Nguyen, T.Q., Nguyen, S.V., Orlov, N.L., Hoang, T.N., Böhme, W. & Ziegler, T. 2010: A review of the genus *Tropidophorus* (Squamata, Scincidae) from Vietnam with new species records and additional data on natural history. *Zoosystematics and Evolution* 86 (1): 5-9.

13. Nguyễn Văn Sáng, Hồ Thu Cúc 1996: Danh lục ếch nhái và bò sát Việt Nam. Nxb KH & KT, Hà Nội.

14. Nguyễn Văn Sáng, Hồ Thu Cúc, Nguyễn Quang Trường, Nguyễn Vũ Khôi 2005: Nhận dạng một số loài Bò sát-Ếch nhái ở Việt Nam. Nxb Nông Nghiệp, Thành phố Hồ Chí Minh.

15. Nguyễn Văn Sáng 2007: Động vật chí Việt Nam, Phân bộ Rắn - Tập 14, NXB Khoa học & Kỹ thuật, Hà Nội, 247 trang.

16. Phạm Thế Cường, Ngô Ngọc Hải, Nguyễn Quang Trường 2019: Đa dạng loài và ghi nhận mới về bò sát và lưỡng cư ở Khu rừng phòng hộ Động Châu, tỉnh Quảng Bình. Báo cáo khoa học Hội thảo Quốc gia về

lưỡng cư và bò sát ở Việt Nam lần thứ tư. NXB Khoa học Tự nhiên và Công Nghệ. Trang 164 – 172.

17. Pham, A.V., Pham, C.T., Hoang, N.V, Ziegler, T. & Nguyen, Q.T. 2,017: New records of amphibians and reptiles from Ha Giang Province, Vietnam. *Herpetology Notes*, 10: 183-191.

18. Smith, M. A., 1935: The fauna of British India including Ceylon and Burma. Reptilia and Amphibia. Vol. II. Sauria, Taylor and Francis, London, 440 pp.

19. Smith, M. A., 1943: The fauna of British India, Ceylon and Burma. Reptilia and Amphibia. Vol. III. Serpentes, Taylor and Francis, London, 525 pp.

20. Vietnature (2018) Đề án thành lập Khu dự trữ thiên nhiên Động Châu – Khe Nước Trong.

21. Simmons J. E. 2002: Herpetological collecting and collections management. Revised edition. Society for the Study of Amphibians and Reptiles. *Herpetological Circular*, 31: 1-153.

22. Ziegler, T., Hendrix, R., Vu, N. T., Vogt, M., Forster, B., & Dang N. K., 2007: The diversity of a snake community in a karst forest ecosystem in the central Truong Son, Vietnam, with an identification key. *Zootaxa*, 1493: 1-40.

23. Uetz, P., Freed, P. & Hošek, J. (eds.) 2020: The Reptile Database, <http://www.reptile-database.org>, accessed [26/10/2020].

DIVERSITY OF REPTILES AND AMPHIBIANS IN DONG CHAU – KHE NUOC TRONG NATURE RESERVE, QUANG BINH PROVINCE

Ha Van Ngoan¹, Ha Van Nghia², Lo Van Oanh³, Vu Van Thai⁴, Le Cong Tinh², Luu Quang Vinh^{1*}

¹Vietnam National University of Forestry

²Viet Nature Conservation Center

³Center for Nature Conservation and Development

⁴Green Field Development Consultant

SUMMARY

Field surveys on amphibians and reptiles were conducted in Dong Chau - Khe Nuoc Trong Nature Reserve, Quang Binh province, central Vietnam between July 2018 and August 2020. As a result, 16 new species of amphibian and reptiles were recorded for the first time from Dong Chau - Khe Nuoc Trong NR including *Dopasia harti* (Boulenger), *Dendrelaphis pictus* (Gmelin), *Boiga quangxiensis* (Wen), *Coelognathus radiatus* (Boie), *Lycodon futsingensis* (Pope), *Lycodon laoensis* (Günther), *Oligodon chinensis* (Günther), *Rhabdophis chrysargos* (Schlegel), *Hypsiglossus plumbeus* (Boie), *Pseudoxenodon bambusicola* (Vogt), *Cyclemys oldhamii* (Gray), *Megophrys microstoma* (Boulenger), *Sylvirana guentheri* (Boulenger), *Sylvirana maosonensis* (Bourret), *Zhangixalus smaragdinus* (Blyth), *Theloderma corticale* (Boulenger). In combination with previous studies, the total number of amphibian and reptiles increased to 83 species. Among 83 species of reptiles and amphibians, 14 precious and rare or endemic are a priority for conservation, including 8 species listed in the Vietnam Red Book (2007), 7 species listed in the IUCN Red List (2020), 7 species listed in the Decree 06/2019/ND-CP and there are 3 endemic species of Vietnam.

Keywords: Amphibian, Dong Chau - Khe Nuoc Trong, new records, reptile, species diversity.

Ngày nhận bài : 12/10/2020

Ngày phản biện : 20/11/2020

Ngày quyết định đăng : 27/11/2020